

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phú Ninh, ngày 29 tháng 5 năm 2020

Bản án số: **11/2020/HS-ST**
Ngày 29-5-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH - TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Kim Hoàng
2. Ông Trương Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/TLHS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 05 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Thị Q, tên gọi khác: Không; sinh ngày 18 tháng 10 năm 1999 tại: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Q; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; họ và tên cha: Trương Văn C, sinh năm 1975, mẹ: Phạm Thị H, sinh năm 1975 cùng trú tại: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Q; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Võ Thị T, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị T:

1. Nguyễn T, sinh năm 1945 (là chồng của bà T);
2. Nguyễn H, sinh năm 1974 (là con ruột của bà T);
3. Nguyễn V, sinh năm 1976 (là con ruột của bà T);

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

4. Nguyễn D, sinh năm 1979 (là con ruột của bà T); địa chỉ: Phường T, thành

phố T, tỉnh Quảng Nam.

Các ông (bà) Nguyễn T, Nguyễn V, Nguyễn D ủy quyền cho ông Nguyễn H tham gia tố tụng (*Giấy ủy quyền ngày 24-11-2019*); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn T, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Q; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn M, sinh năm 1966; có mặt.

2. Đoàn T, sinh năm 1952; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Q không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định pháp luật. Vào khoảng 05 giờ 45 phút ngày 23 tháng 10 năm 2019, mặc dù không có giấy phép lái xe mô tô nhưng Q điều khiển xe mô tô BKS: 92L1 – 289.79 (*thuộc sở hữu của Q*) đi xuống thành phố T để làm việc. Q điều khiển xe mô tô lưu hành trên tuyến đường Đ theo hướng T – Quốc lộ A với vận tốc khoảng 45km/h. Khi đến Km10 + 700 thuộc thôn A, xã T, huyện P thì Q phát hiện bà Võ Thị T (sinh năm 1947, trú tại thôn A, xã T, huyện P) (*cách khoảng hơn 40m*) điều khiển xe đạp lưu hành cùng chiều phía trước và đang lên dốc cầu L. Khi còn cách xe đạp của bà T khoảng 5-6m, thì Q điều khiển xe mô tô vượt xe đạp do bà T điều khiển. Tuy nhiên, do khoảng cách giữa hai xe quá gần, Q vượt xe không đảm bảo an toàn nên manh nhạ chắn gió bên trái xe mô tô Q điều khiển tông vào phía sau xe đạp, đẩy xe đạp và bà T ngã nằm trên phần đường bên trái (*hướng T – Quốc lộ A*). Bà Võ Thị T bị thương tích được đưa đến Trạm y tế xã T, huyện P cấp cứu và chuyển đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Q điều trị, đến 16 giờ ngày 24/10/2019 thì tử vong.

Kết quả dựng lại hiện trường vụ án thể hiện: Km10 + 700 đường ĐT 615 nơi xảy ra tai nạn thuộc thôn A, xã T, huyện P là đoạn đường hai chiều, đường thẳng, mặt đường rộng 5,30m được thảm nhựa tương đối bằng phẳng, ở giữa có vạch sơn liên tục chia hai chiều xe chạy riêng biệt. Theo hướng lưu hành T- Quốc lộ A có độ dốc lên 05% và cong về bên trái, vị trí cong cách điểm mốc “Biển báo hạn chế trọng tải của xe ô tô” về hướng T là 43,90m, dọc hai bên đường là cánh đồng không có nhà dân. Dựng lại hiện trường, xe mô tô BKS 92L1-289.79 ngã nằm nghiêng bên trái trên mặt đường, đầu xe quay về hướng Quốc lộ 1 A và hơi chệch về bên phải đường theo hướng T- Quốc lộ A. Trục bánh sau cách mép đường làm chuẩn là 1,80 mét; đồng thời cách điểm mốc về hướng Quốc lộ A là 3,80 mét, trục bánh trước cách mép đường làm chuẩn là 1,50 mét. Xe đạp ngã nằm nghiêng bên trái mặt đường, đầu xe quay về hướng Tam Kỳ, và hơi chệch về bên phải đường theo hướng T- Quốc lộ A, trục bánh sau cách mép đường làm chuẩn là 2,95 mét, trục bánh trước cách mép đường trên là 2,78 mét. Đo từ trục bánh xe mô tô đến trục bánh sau xe đạp là 2 mét.

Theo Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 241/GDPY-PC09 ngày 13/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Bà Võ Thị T, sinh năm 1947, trú thôn A, xã T, huyện P chết ngày 24/10/2019 trong vụ tai nạn giao thông đường bộ ngày 23/10/2019 tại tuyến đường Đ hướng T – Quốc lộ A đoạn thuộc thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam do chấn thương sọ não (nứt sọ chằm hai bên, dập xuất huyết não trán, thái dương phải, tiểu não trái; tụ máu dưới màng cứng bán cầu phải) gây suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen, BKS: 92L1 – 289.79 cùng giấy tờ liên quan; 01 (một) xe đạp và đã trả lại cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại.

Bị cáo Trương Thị Q đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng); gia đình bị hại đã nhận đủ tiền và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 28-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Trương Thị Q về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Q từ 12 đến 15 tháng tù.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ dựng lại hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản kết luận giám định pháp y tử thi và phù hợp với lời khai của người làm chứng, lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 05 giờ 45 phút ngày 23 tháng 10 năm 2019, bị cáo (không có giấy phép lái xe) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 92L1 – 289.79, dung tích xi lanh

124cm³ thuộc sở hữu của bị cáo lưu hành trên tuyến đường Đ theo hướng T – Quốc lộ A với vận tốc khoảng 45km/h. Khi đến Km10 + 700 thuộc thôn A, xã T, huyện P thì Q điều khiển xe mô tô vượt xe đạp do bà Võ Thị T điều khiển lưu hành cùng chiều phía trước. Do vượt xe không đảm bảo an toàn, xử lý tình huống kém nên đã tông vào đuôi xe đạp, đẩy xe đạp bà T ngã xuống đường. Hậu quả bà T bị thương tích nặng và đã chết ngày 24-10-2019, xe mô tô và xe đạp bị hư hỏng nhẹ.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 5 Điều 4, khoản 9 Điều 8, Điều 14, khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, Cáo trạng số 07/CT-VKSPN ngày 28-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự bất cẩn, xem thường pháp luật. Bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng lại điều khiển xe tham gia giao thông, vượt xe không bảo đảm an toàn, xử lý tình huống kém gây hậu quả chết người. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, tạo sự bất an cho người tham gia giao thông. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời đảm bảo tác dụng phòng chống loại tội phạm này.

[2.3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có ông ngoại và bác ruột là liệt sĩ, ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2.4] Sau khi cân nhắc tính chất của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Đồng thời, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ các điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để quản lý, giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án.

- *Trách nhiệm dân sự*: Bị cáo Trương Thị Q đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 32.000.000 (*Ba mươi hai triệu*) đồng, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Xử lý vật chứng*: Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen, BKS: 92L1 – 289.79 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho chủ sở hữu Trương Thị Q là phù hợp; đối với 01 (một) xe đạp (loại xe đạp nữ) hai bánh, màu sơn trắng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn H là phù hợp.

[2.6] Về án phí: Bị cáo Trương Thị Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.7]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Q phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm: Ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Giao bị cáo Trương Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo Trương Thị Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Cơ quan CSĐT huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Phan Thị Bé

